**TÒA ÁN NHÂN DÂN** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**HUYỆN QUỲNH LƯU - NGHỆ AN** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 28- 6 - 2017.
V/v: "Ly hôn, chia tài sản nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – NGHỆ AN**

***- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Đóa
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Xuân Tùng
Bà Đỗ Thị Hằng

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu – Nghệ An.

***- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Thị Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2017, tại hội trường Tòa án huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 106/2017/TLST - DS ngày 05/4/2017 về việc "Ly hôn, chia tài sản nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2017/QĐXX- ST ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị N, sinh năm 1971. Có mặt
2. *Bị đơn*: Anh Vi Văn H, sinh năm 1970. Có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2017, và các lời khai tại Tòa án cũng như quá trình tố tụng tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Ngọ trình bày*:

*Về hôn nhân*:

Chị Hà Thị N và anh Vi Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay không có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Nguyên nhân chị N và anh H mâu thuẫn là đầu năm 2016 do anh H có quan hệ ngoại tình, chị N khuyên nhủ nhưng anh H lại đánh đập, chửi bới chị. Chị N đã làm đơn ra UBND xã T để tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị N xin được ly hôn anh Vi Văn H.

*Về con chung*: Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng chị Hà Thị N và anh Vi Văn H có hai người con chung là Vi Văn T, sinh ngày 02/12/1992 và Vi Thị T, sinh ngày 30/06/1996. Hiện nay các con là Vi Văn T và Vi Thị T đã đủ 18 tuổi trưởng thành các con muốn ở với ai do các con tự quyết định.

*Về tài sản chung*: Trong quá trình chung sống chị N và anh H có một số tài sản chung sau đây: một thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY676119 năm 2016 mang tên Vi Văn H và Hà Thị N diện tích 1229 $m^2$. Tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 ba gian và nhà ngang gắn liền với bếp, công trình giếng nước, ô tắm, bể chứa nước.

- 01 xe máy hiện nay chị N đang sử dụng biển kiểm soát 37P8.0025 giấy đăng ký xe mang tên anh Vi Văn H.

- Ti vi, tủ gỗ ép, giường, bàn ghế, bếp ga.

Một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình có giá trị không đáng kể, chị Ngọ không yêu cầu Tòa án phân chia. Ngoài ra anh chị không còn tài sản chung gì khác.

Về nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có kê khai những khoản nợ chung của chị và anh H gồm vay nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Q số tiền 8.000.000đ. Vay anh Hà Huy T số tiền 20.000.000đ, vay chị Hà Thị Ng 03 chỉ vàng 9999. Tại bản tự khai bổ sung chị Hà Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ly hôn chị N đề nghị chia đôi tài sản chung và xin nhận phần đất không có nhà, nhận xe máy, giường và bộ bàn ghế. Các tài sản khác giao cho anh H. Cây cối trên phần đất của ai được chia thì người đó được quyền sử dụng.

Tại phiên tòa chị N đề nghị Tòa án phân chia chi phí tố tụng gồm chi phí thẩm định tài sản và chi phí định giá tài sản.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Vi Văn H trình bày:*

*Về hôn nhân*: Anh Vi Văn H thống nhất quá trình chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống của anh và chị N như chị N trình bày ở trên là đúng. Anh đã nhiều lần xin chị N tha thứ nhưng chị N không đồng ý. Nay tình cảm giữa anh và chị N không còn chị N xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

*Về con chung*: Anh H thống nhất họ tên ngày tháng năm sinh của con chung giữa anh và chị N như chị N trình bày ở trên là đúng. Các con đã đủ 18 tuổi trưởng thành các con muốn ở với ai do các con tự quyết định

*Về tài sản chung*: Anh H thống nhất trong quá trình chung sống như vợ chồng anh và chị N có các tài sản chung như chị N trình bày ở trên là đúng.

Ly hôn anh đề nghị được nhận nhà 3 gian để ở và các tài sản khác chia theo pháp luật.

Về nợ: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện VKS phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng chấp hành đầy đủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Áp dụng vào Điều 14,16,53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 219 Bộ luật Dân sự. Điều 157, 165 BLTTDS. Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị N:

Xử: Không công nhận chị Hà Thị Nvà anh Vi Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chị N và anh H có hai con chung là Vi Văn T sinh năm 1992 và Vi Thị T sinh năm 1996. Hiện nay các con đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng, các con muốn ở với ai tự các con quyết định.

Về tài sản chung: Anh H và chị N hiện nay có những tài sản chung gồm: thửa đất số 38, tờ bản đồ số 56 có địa chỉ ở xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An được cấp GCNQSDĐ số BY 676119 ngày 01/9/2016; trên đất có 02 căn nhà cấp 4, nhà bếp, nhà tắm, bể nước, giếng nước, sân phơi bằng bê tông; 01 xe máy hiện nay do chị N đang sử dụng; giường, tủ, ti vi, bàn ghế, bếp ga và bình ga. Tại phiên tòa, chị N nhận phần đất không có nhà; 01 xe máy; 01 giường; 01 bộ bàn ghế và đề nghị anh Hiện phải trả phần tiền chênh lệch cho chị N. Anh H nhận phần đất có nhà và những gì còn lại. Hai bên thống nhất dành ra một phần đất có diện tích 25,3m $^2$ làm lối đi chung.

Giao cho anh Vi Văn H được quyền sử dụng phần diện tích đất có nhà, có tổng diện tích 628,9m $^2$ . Anh H được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm có nhà ở cấp 4 ba gian, nhà ngang 02 gian và nhà bếp, nhà tắm và bể nước, sân phơi, ti vi, tủ gỗ ép ba buồng, 01 bộ bếp ga. Anh H có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch tài sản cho chị N vượt quá giá trị tài sản được chia.

Giao cho chị Hà Thị N được quyền sử dụng phần đất không có nhà có tổng diện tích 573,4 m $^2$. Chị N được quyền sở hữu giếng nước, xe máy nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 37P8-0025 Giấy đăng ký xe máy mang tên Vi Văn H; 01 bộ bàn ghế, 01 giường. Chị N được sở hữu số tiền chênh lệch tài sản do anh H giao lại. Chị N được quyền lưu cư trong vòng 06 tháng.

Về án phí: Chị Hà Thị N và anh Vi Văn H là cá nhân thuộc diện hộ cận nghèo. Do đó căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 miễn cho chị Hà Thị N và anh Vi Văn H tiền án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Theo lời trình bày của chị N và anh H và qua xác minh tại UBND xã T về việc đăng ký kết hôn của chị Hà Thị N và anh Vi Văn H, có căn cứ khẳng định chị Hà Thị N và anh Vi Văn H không có đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay. Nay chị N và anh H không còn tình cảm với nhau và xin ly hôn. Do đo, cần áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị N và anh Vi Văn H.

[2]. Về con chung: chị Hà Thị N và anh Vi Văn H trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng có hai con chung là Vi Văn T, sinh ngày 02/12/1992 và Vi Thị T, sinh ngày 30/06/1996. Nay đã đủ 18 tuổi trưởng thành. HĐXX không xem xét về yêu cầu nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống như vợ chồng, anh Vi Văn H và chị Hà Thị N có các tài sản chung đã được định giá như sau:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 38 tờ bản đồ số 56 diện tích 1229m$^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY676119 ngày 01/9/2016 cho anh Vi Văn H và chị Hà Thị N. Đất ở có giá 100.000đ/m$^2$ x 1.049m$^2$ = 104.900.000đ (một trăm lẻ bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Đất trồng cây hàng năm có giá 49.000đ/m$^2$ x 180m$^2$ = 8.820.000đ. Tổng trị giá 113.720.000đ.

- Nhà cấp 4 ba gian diện tích 51.53m$^2$ có giá 77.000.000đ, Nhà cấp 4 hai gian diện tích 30m$^2$ có giá 36.000.000đ. Nhà bếp giá 3.800.000đ, nhà tắm và bề bước giá 3.000.000đ. Giếng nước 1.000.000đ, xe máy biển kiểm soát 37P8 0025 giấy đăng ký xe mang tên Vi Văn H giá 2.000.000đ. Sân bê tông giá 2.200.000đ, bộ bàn ghế 1.000.000đ, ti vi giá 500.000đ, tủ gỗ ép ba buồng giá 500.000đ, giường 500.000đ, bộ bình bếp ga 1.000.000đ.

Một số tài sản là vật dụng sinh hoạt trong gia đình và cây trong vườn chị N và anh H không yêu cầu phân chia vì giá trị không đáng kể nên HĐXX không xem xét.

[3.1] Về chia trị giá tài sản chung:

Tổng trị giá tài sản chung của chị Hà Thị N và anh Vi Văn H là 242.220.000đ. Sau khi trừ trị giá diện tích đất dùng để làm ngõ đi chung 25,3 m$^2$ x100.000đ = 2.530.000đ. Còn lại 239.690.00đ

Chị Hà Thị N và anh Vi Văn H không phải là vợ chồng, chị N và anh H có đóng góp công sức ngang nhau cho việc tạo dựng tài sản chung do đó cần áp dụng Điều 16 Luật hôn nhân gia đình, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015 chia đôi tài sản chung của chị N và anh H theo giá trị, mỗi người được hưởng ½ là 119.845.000đ.

[3.2] Về chia tài sản là hiện vật:

Chị Hà Thị N và anh Vi Văn H đều có nguyện vọng được nhận nhà để ở. Tuy nhiên căn cứ vào hiện trạng nhà và đất của chị Ngọ và anh Hiện không thể chia cho mỗi người đều có nhà và đất. Chỉ một người được nhận nhà và người kia nhận phần đất không có nhà. Tại phiên Tòa chị Hà Thị N đồng ý cho giao anh Vi Văn H được nhận phần đất có nhà ở và có nguyện vọng được nhận xe mô tô để làm phương tiện đi lại.

- Giao cho anh Vi Văn H được quyền sử dụng phần diện đất có tứ cận phía Đông giáp phần đất của chị Hà Thị N dài 37,34 m; phía tây giáp đất nhà ông H dài 35,24 m; phía bắc giáp nhà bà T dài 9,24 m và 4,08 m; phía Nam giáp nhà bà Q dài 17,02 m và 6,16 m; có diện tích là 628,9m$^2$ trong đó có 538,9m$^2$ đất ở và 90m$^2$ đất trồng cây hàng năm, có trị giá quyền sử dụng đất 58.300.000 đồng.

Anh H được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm có nhà ở cấp 4 ba gian, nhà ngang 2 gian và nhà bếp, nhà tắm và bể nước, sân phơi, ti vi, tủ gỗ ép ba buồng, 01 bộ bếp ga.

Tổng trị giá tài sản anh H được nhận là 182.300.000đ.

- Giao cho chị Hà Thị N được quyền sử dụng phần đất có kích thước phía Đông giáp nhà ông T dài 28,36 m; phía Tây giáp phần đất chia cho ông H dài 35,32 m; phía Ngiáp ngõ đi chung dài 13,75 m; phía Bắc giáp nhà ông A và nhà bà T dài 1,20m, 1,82m, 14,3 m, 4,04m, 6,99m; Có diện tích 573,4m$^2$. Trong đó có 483,4m$^2$ đất ở và 90m$^2$ đất vườn.

Chị Ngọ được quyền sở hữu giếng nước, xe máy hiệu HONDA biển kiểm soát 37P8-0025 Giấy đăng ký xe mang tên Vi Văn H; 01 bộ bàn ghế, 01 giường.

Trị giá tài sản chị Hà Thị N được nhận là 57.250.000 đồng.

Chị Nđược sở hữu số tiền chênh lệch tài sản do anh Hiện giao lại là 62.455.000 đồng.

Phần đất được dùng làm ngõ đi chung có tứ cận phía Đông 2,02m; phía Tây giáp phần đất chia cho anh H 2,02m; phía Bắc giáp phần đất chia cho chị Ngọ 13,75m; phía Nam giáp đất bà Q dài 5,77m, 7,71m. Có diện tích 25,3m$^2$.

Chi N và anh H không phải là vợ chồng tuy nhiên khi chia tài sản cần đảm bảo quyền lợi của hai bên. Chị N không có nhà để ở do đó cần căn cứ vào điều 63 Luật HNGĐ cho phép chị N được lưu cư trong vòng 06 tháng.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn chị Hà Thị N đã nộp các chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ, tiền chi phí định giá tài sản 2.000.000đ. Đối với yêu cầu buộc anh H hoàn trả lại một nửa tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của chị N. Căn cứ vào Điều 157 BLTTDS thì yêu cầu của chị N không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu anh Hiện phải hoàn trả lại một nửa tiền chi phí định giá cho chị N. Căn cứ vào điều 165 BLTTDS yêu cầu của chị N được chấp nhận.

[5]. Về án phí:

Chị Hà Thị N và anh Vi Văn H là cá nhân thuộc diện hộ cận nghèo. Do đó căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 miễn cho chị Hà Thị N và anh Vi Văn H tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14,16,53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 219 Bộ luật Dân sự. Điều 157, 165 BLTTDS. Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử: Không công nhận chị Hà Thị N và anh Vi Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Có hai con chung là Vi Văn T, sinh ngày 02/12/1992 và Vi Thị T, sinh ngày 30/6/1996. Các con đã đủ tuổi trưởng thành, muốn ở với ai do các con tự quyết định. Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

Giao cho chị Hà Thị N được quyền sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 38 tờ bản đồ số 56 tại xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An có tứ cận: phía Đông giáp nhà ông T dài 28,36 m; phía Tây giáp phần đất chia cho ông H dài 35,32 m; phía Nam giáp ngõ đi chung dài 13,75 m; phía Bắc giáp nhà ông A và nhà bà T dài 1,20m, 1,82m, 14,3 m, 4,04m, 6,99m; Có diện tích 573,4m$^2$. Trong đó có 483,4m$^2$ đất ở và 90m$^2$ đất trồng cây hàng năm. Có trị giá 52.750.000đ

Chị N được quyền sở hữu giếng nước có giá 1.000.000đ, xe máy hiệu HONDA biển kiểm soát 37P8-0025 Giấy đăng ký xe mang tên Vi Văn H có giá 2.000.000đ; 01 bộ bàn ghế có giá 1.000.000đ, 01 giường có giá 500.000đ. Tổng trị giá tài sản là 57.250.000đ (năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị N được sở hữu số tiền chênh lệch tài sản do anh H giao lại là 62.455.000 đồng.

Giao cho anh Vi Văn H được quyền sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 38 tờ bản đồ số 56 tại xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An có tứ cận phía Đông giáp phần đất của chị Hà Thị N dài 37,34 m; phía Tây giáp đất nhà ông H dài 35,24 m; phía Bắc giáp nhà bà T dài 9,24 m và 4,08 m; phía Nam giáp nhà bà Q dài 17,02 m và 6,16 m; có diện tích là 628,9m$^2$ trong đó có 538,9m$^2$ đất ở và 90m$^2$ đất trồng cây hàng năm, có trị giá quyền sử dụng đất 58.300.000 đồng.

Anh H được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm có nhà ở cấp 4 ba gian, nhà ngang 2 gian và nhà bếp, nhà tắm và bể nước, sân phơi, ti vi, tủ gỗ ép ba buồng, 01 bộ bình bếp ga.

Tổng trị giá tài sản anh H được nhận là 182.300.000 đồng.

Anh H phải giao lại cho chị Hà Thị N số tiền chênh lệch tài sản là 62.455.000đ (sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và 1.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản.

Phần đất được dùng làm ngõ đi chung có tứ cận phía Đông 2,02m; phía Tây giáp phần đất chia cho anh H 2,02m; phía Bắc giáp phần đất chia cho chị N 13,75m; phía Nam giáp đất bà Q dài 5,77m, 7,71m. Có diện tích 25,3m$^2$.

- Về án phí: chị Hà Thị Nvà anh Vi Văn H được miễn tiền án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

**Phan Thị Đóa**

***Nơi nhận:***
- Các đương sựv
- VKSND huyện Quỳnh Lưu
- THADS
- Lưu VP, HS.
- UBND xã T